

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 28/2019/HNGĐ - ST

Ngày 21/8/2019

V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vĩnh và bà Nguyễn Thị Là

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thuận Yên - Thư ký Tòa án

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa**
Bà Đào Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc: “Tranh chấp về hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị M, sinh năm 1991

Địa chỉ : Thôn TK, xã HT, huyện TY, tỉnh Y.

Bị đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã Đ C, huyện ĐH, tỉnh TB

(Có mặt chị M, vắng mặt anh N)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 20/7/2019 và trong quá trình tố tụng chị Hà Thị Mai trình bày:

Chị M và anh Nh kết hôn do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐC vào ngày 02/2/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do sau khi chị M sinh con Phạm Nhật M, anh N nghi ngờ cháu M không phải con anh N nên đã tự đi làm xét nghiệm ADN của cháu M và anh N. Khi anh N, nhận được kết quả xét nghiệm kết luận cháu M không phải con anh, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Tháng 6/2016 chị M chán nản đã đưa con bỏ về quê mẹ để sinh sống Từ đó vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị M xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị M xin được ly hôn anh N.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân với anh N chị sinh một con là Phạm Nhật M1 sinh ngày 22/01/2016, hiện cháu đang ở với chị M. Ly hôn chị M xác định cháu M1 là con của chị, chị xin nuôi con M1 không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con cùng chị, còn việc xác định cháu M 1là con chung của chị và anh N hay con riêng của chị, chị M đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về tài sản chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/7/2019 và các bản khi bổ sung anh N trình bày: Anh và chị M tự nguyện kết hôn vào ngày 02/2/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ C. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường được một năm, chị M đã sinh một con trai. Tuy nhiên sau khi chị M sinh con được khoảng 06 tháng, anh N nghi ngờ không phải con anh nên ngày 29/7/2016, anh N đã đi làm xét nghiệm ADN tại trung tâm giám định sinh học pháp lý viện khoa học hình sự Bộ công an và có kết quả anh N không phải là cha đẻ của cháu M1. Từ tháng 7/2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị M tự ý đưa con bỏ về quê ngoại ở YB sinh sống. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị M xin ly hôn anh N cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm. Anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị M , chị M sinh một con là Phạm Nhật M1 sinh ngày 22/01/2016. Anh N và chị M đã làm giấy khai sinh cho cháu M nhưng thực tế anh đã tự đi làm giám định ADN cho kết quả cháu M không phải con anh N. Anh N đề nghị Tòa án xác định cháu M1 không phải con chung của anh và chị M mà là con riêng của chị M. Anh đề nghị Tòa án trưng cầu giám định để chứng minh việc cháu Phạm Nhật M1 không phải con anh là sự thật và xin chịu toàn bộ chi phí cho việc giám định.

Về tài sản: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Do công việc bận mải anh xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử việc ly hôn giữa anh và chị M.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi nghị án đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi nghị án đã tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị M, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 88, Điều 89 Luật Hôn nhân gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử cho chị M được ly hôn anh N. Xác định cháu Phạm Nhật M1 là con riêng của chị M tiếp tục giao con M1 cho chị M trực tiếp nuôi dạy, anh N không phải cấp dưỡng. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về chi phí tố tụng: Chấp nhận tự nguyện của anh N về việc anh N nhận chịu toàn bộ chi phí giám định ADN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị M có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn anh N tại Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

Anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M, anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐC là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 7 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N nghi ngờ con do chị M sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng không phải con anh. Anh N đã trực tiếp đi làm xét nghiệm ADN cho kết quả anh không phải là cha đẻ của cháu Phạm Nhật M. Từ 29/7/2016 chị M, anh N đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị M, anh N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị M xin được ly hôn anh N, anh N cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận nguyện vọng của chị M xử cho chị được ly hôn anh N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa anh N và chị M, chị M sinh một con là Phạm Nhật M1 sinh ngày 22/01/2016. Cháu M1 đã được đăng ký khai sinh vào ngày 19/02/2019 tại UBND xã Đông Các và trong phần họ tên người cha của cháu M1 được xác định anh N là cha của cháu M.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định cháu M không phải là con chung của anh N, chị M xác định cháu M1 là con riêng của chị. Mặt khác Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng đã trưng cầu giám định ADN theo yêu cầu của anh N. Căn cứ vào kết quả giám định ADN mã số 072301 ngày 25/7/2019 của Trung tâm phân tích ADN và công nghệ di truyền địa chỉ: 445, Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội kết luận: “Cháu Phạm Nhật M1 không phải con của ông Phạm Văn N; Cháu Phạm Nhật M1 là con của bà Hà Thị M” Như vậy đã đủ căn cứ xác định cháu Phạm Nhật M1 không phải con của anh Phạm Văn N mà là con riêng của chị Hà Thị M, Do cháu M1 là con riêng của chị M, nên cần giao con Phạm Nhật M1 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về chi phí giám định ADN: Anh N đã nộp tạm ứng đủ 5.500.000 đồng, nay anh N xin chịu toàn bộ cần chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a, Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228, Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 88, Điều 89 Luật Hôn nhân gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị M được ly hôn anh Phạm Văn N

2/ Về con chung: Chị M và anh N không có con chung.

Xác định cháu Phạm Nhật M1, sinh ngày 22/01/2016 là con riêng của chị M. Giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Nhật M.

3/ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí và chi phí tố tụng:

Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008090 ngày 22/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí.

Anh N chịu 5.500.000 đồng chi phí giám định (anh N đã nộp đủ)

5/Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, với người có mặt tính từ ngày tuyên án, với người vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình.
- Chi cục Thi hành án DS huyện Đông Hưng
- UBND xã ĐC.
- Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Nhung